

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 50/2024/DS - ST

Ngày: 23/9/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hải.

2. Ông Nguyễn Văn Long.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Hòa Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thu Hương, chức vụ: Kiểm sát viên.

Vào ngày 23/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 226/2023/TLST-DS ngày 24/10/2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79a/2024/QĐST-DS, ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2024/QĐST-DS ngày 12/9/2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tống Thị H, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số xx, đường Gi, thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số xx, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số nhà xx, đường Ng, tổ dân phố xx, thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thúy H2 (tên gọi khác Trần Thị Thúy H2, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số xx, đường Gi, tổ dân phố xx thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2024, quá trình giải quyết vụ án đại diện theo

*Ủy quyền của nguyên đơn bà Tống Thị H là ông Nguyễn Văn Kh trình bày:*

Trong thời gian từ năm 2022 đến năm 2023 bà Nguyễn Thị H1 có vay của bà Tống Thị H số tiền tổng cộng là 150.000.000đ, qua hai lần vay cụ thể như sau:

- Ngày 25/3/2022 (Âm lịch) tức là ngày 25/4/2022 dương lịch bà H1 vay của bà H số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) thời hạn vay là 70 ngày kể từ ngày 15/3/2022.

- Ngày 22/3/2023 (âm lịch) tức là ngày 11/5/2023 dương lịch bà H1 vay tiếp của bà H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) thời hạn vay là 100 ngày, ngày trả nợ là ngày 22/8/2023.

Khi vay tiền hai bên có xác lập hợp đồng vay, bà Nguyễn Thị H1 là người đã viết 02 hợp đồng vay mà bà H đã cung cấp cho Tòa án. Chữ ký, chữ viết Nguyễn Thị H1 do bà H1 ký và viết ra. Trong hai chứng từ nói trên tuy không thể hiện lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận lãi suất 10%/năm.

Từ khi vay đến nay, bà Nguyễn Thị H1 chưa trả cho bà H được khoản tiền gốc hay lãi nào cả. Bà H đã nhiều lần yêu cầu bà H1 trả nợ nhưng không có kết quả. Do vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Tống Thị H số tiền vay gốc là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Bà Tống Thị H yêu cầu tính lãi suất 10%/năm kể từ khi vay cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thúy H2 trình bày:*

Tôi là con đẻ của bà Tống Thị H, tôi và bà Nguyễn Thị H1 có mối quan hệ quen biết từ lâu. Bà H1 có vay của tôi một khoản tiền và đến nay bà H1 vẫn chưa trả cho tôi. Ngoài ra tôi được biết bà H1 có vay tiền của mẹ tôi (bà H) một khoản tiền. Tuy nhiên, việc vay mượn giữa hai bên không liên quan đến nhau. Bà H1 vay tiền của ai thì viết giấy vay của người đó. Việc bà H1 vay tiền của tôi và hiện nay còn nợ tôi thì tôi khởi kiện. Việc bà H1 vay tiền của mẹ tôi (bà H) thì bà H khởi kiện, không liên quan. Do vậy, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến Tòa án lập bản tự khai, tham gia phiên đối chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị H1 không đến Tòa án để lập bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Căn cứ Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

### **Phản tranh luận:**

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Tống Thị H là ông Nguyễn Văn Kh trình bày:

Việc vay mượn được thực hiện giữa bà H và bà H1, không liên quan đến chồng của bà H1, do vậy bà H không yêu cầu Toà án đưa chồng bà H1 vào tham gia tố tụng và chỉ yêu cầu một mình bà H1 thực hiện nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay gốc 150.000.000 đồng và lãi suất tính 10%/năm đối với số tiền trên kể từ ngày vay đến ngày kết thúc phiên tòa sơ thẩm.

Ngoài ra bà H yêu cầu bà H1 phải trả cho bà H tiền chi phí giám định chữ viết, chữ ký theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thúy H2 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn, đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại BLTTDS; trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 mặc dù được triệu tập họp lệ nhưng không lên Tòa án lập bản tự khai, tham gia họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tại phiên tòa bà H1 vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H2 có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

+ Về nội dung:

Đề nghị HĐXX:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị H, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà Tống Thị H số tiền vay gốc 150.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. Về hình thức:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm bà Tống Thị H khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà xx, đường Ng, tổ dân phố xx, thị trấn Ph, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản

1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các hoá đơn biên nhận mượn tiền mặt do nguyên đơn bà Tống Thị H cung cấp, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

[1.3]. Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Tống Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thúy H2: Vào ngày 12/9/2024 Tòa án mở phiên tòa. Tại phiên tòa bà H1 đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa để triệu tập nguyên đơn bà Tống Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thúy H2. Tòa án đã hoãn phiên tòa và đã thông báo để bà H và bà H2 tham gia phiên tòa. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Tống Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thúy H2 vẫn vắng mặt. HĐXX xét thấy: Đối với bà Tống Thị H sau khi khởi kiện bà H đã ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Kh tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà H có mặt là phù hợp. Đối với bà Trần Thúy H2, quá trình giải quyết vụ án bà H2 đã lập bản tự khai và đồng thời bà H2 có đơn đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt. Do vậy việc nguyên đơn bà H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H2 không đến Tòa án tham gia phiên tòa không vi phạm quy định của pháp luật. Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H1, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Áp dụng Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bà H, bà H1 và bà H2 là phù hợp.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị H đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà Tống Thị H số tiền vay gốc 150.000.000 đồng, HĐXX xét thấy:

Khi khởi kiện, nguyên đơn bà H đã cung cấp cho Tòa án 02 chứng từ thể hiện việc bà Nguyễn Thị H1 đã vay của bà H2 tổng số tiền 150.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 25/3/2022 (Âm lịch) tức là ngày 25/4/2022 dương lịch bà H1 vay của bà H số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) thời hạn vay là 70 ngày kể từ ngày 25/3/2022 (Âm lịch) tức là ngày 25/4/2022 dương lịch

- Ngày 22/3/2023 (âm lịch) tức là ngày 11/5/2023 dương lịch bà H1 vay tiếp của bà H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) thời hạn vay là 100 ngày, kể từ ngày 22/3/2023 (âm lịch) tức là ngày 11/5/2023 dương lịch).

Do quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H1 không đến Tòa án để lập bản tự khai, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải. Vì vậy, để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, ngày 15/3/2024 Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 04/2023/QĐ-TCGD với các nội dung: Trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk thực hiện giám định:

“1.1 “Nguyễn Thị H1, k4 T<sup>2</sup> Phước an, 241033957,0989990828, 10.000.000đ, (mười triệu đồng chẵn, buôn bán, 22/3/2023 Âm lịch, 100 ngày” và chữ ký, chữ viết: “Nguyễn Thị H1” dưới mục người mượn tiền, trong giấy hóa đơn biên nhận mượn tiền mặt đề ngày 22/3/2023. Giữa người cho mượn tiền là bà Tống Thị H; Người mượn tiền bà Nguyễn Thị H1.

1.2 “Nguyễn Thị H1, k4 TT Phước an Krông Pắc Đắk Lắk, 241033957, 0989990828, 140.000 000 + 45.000.000đ lãi, Tổng bằng 185.000.000 (một trăm tám mươi lăm triệu đồng chẵn), 25/3/2022 Âm lịch, Trong vòng 70 ngày con hốt huê sẽ trả cô H lần lần” và chữ ký, chữ viết: “Nguyễn Thị H1” dưới mục người mượn tiền, trong giấy hóa đơn biên nhận mượn tiền mặt. Giữa người cho mượn tiền là bà Tống Thị H; Người mượn tiền bà Nguyễn Thị H1.

Và chữ ký và chữ viết “Nguyễn Thị H1” dưới mục người nhận trong biên bản giao nhận ngày 18/3/2024 và ngày 17/02/2024; Bản tự khai ngày 17/7/2023 do Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thu thập có phải do một người viết ra hay không?

Bản kết luận giám định số 486/KL-KTHS ngày 12/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Chữ viết phần nội dung và chữ ký chữ viết mang tên Nguyễn Thị H1 dưới mục người mượn tiền trên các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 và A2 so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị H1 trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M1 đến M3 là do cùng một người ký và viết ra”.

Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Tống Thị H là ông Nguyễn Văn Kh, bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk số 486/KL-KTHS ngày 12/4/2024, HĐXX xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh: Ngày 25/3/2022 (Âm lịch) tức là ngày 25/4/2022 (dương lịch) bà H1 vay của bà H số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng); Ngày 22/3/2023 (âm lịch) tức là ngày 11/5/2023 (dương lịch) bà H1 vay tiếp của bà H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Tổng cộng hai lần vay là 150.000.000 đồng. Khi vay hai bên có xác lập hợp đồng vay, bà H1 là người trực tiếp viết 02 hợp đồng, ký và viết tên Nguyễn Thị H1 dưới mục người mượn tiền. Hạn cuối trả số tiền trên vào là ngày 25/4/2022 dương lịch và ngày 11/5/2023 (dương lịch). Tuy nhiên, đến hạn trả nợ, bà H1 không trả cho bà H số tiền đã vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

*“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác”.*

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Tống Thị H là có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn bà Tống Thị H, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà Tống Thị H số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng là đúng với quy định của pháp luật.

[2.2]. Xét yêu cầu tính lãi suất:

Đối với hai hợp đồng vay không ghi lãi suất, cụ thể: Ngày 25/3/2022 (âm lịch) tức là ngày 25/4/2022 (dương lịch) bà H1 vay của bà H số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng) thời hạn vay là 70 ngày kể từ ngày 25/3/2022 (âm lịch) tức là ngày 25/4/2022 dương lịch; Ngày 22/3/2023 (âm lịch) tức là ngày 11/5/2023 (dương lịch) bà H1 vay tiếp của bà H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) thời hạn vay là 100 ngày, kể từ ngày 22/3/2023 (âm lịch) tức là ngày 11/5/2023 (dương lịch).

Xét thấy các chứng từ ngày 25/4/2022 dương lịch bà H1 vay của bà H số tiền 140.000.000 đồng thời hạn vay 70 ngày, nên ngày trả nợ cuối cùng là ngày 05/7/2022 và chứng từ vay ngày 11/5/2023 dương lịch bà H1 vay của bà H số tiền 10.000.000đ thời hạn vay là 100 ngày, nên ngày trả nợ cuối cùng là ngày 21/8/2023, nhưng cả hai hoá đơn biên nhận mượn tiền không ghi lãi suất. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 BLDS thì: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”*. Còn theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS thì: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*. Theo quy định của điều luật viện dẫn nêu trên, mức lãi suất HĐXX áp dụng để tính lãi đối với hai chứng từ nói trên là 20%/1 năm : 2 = 10%/1năm. Tại phiên toà ông Kh yêu cầu HĐXX tính lãi suất 10%/1 năm kể từ ngày bị đơn vị phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu như trên phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX chấp nhận, tiền lãi cụ thể như sau:

+ Đối với số tiền vay 140.000.000 đồng, ngày trả nợ cuối là ngày 05/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/9/2024 là 806 ngày. Tiền lãi được tính như sau: 140.000.000 đồng x 10%/1 năm x 806 ngày : 365 = 30.915.068đồng

+ Đối với số tiền vay 10.000.000 đồng: ngày trả nợ 21/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/9/2024 là 396 ngày. Tiền lãi được tính như sau: 10.000.000 đồng x 10%/ năm x 396 ngày : 365 = 1.084.931 đồng.

Tổng số tiền lãi suất của 02 hợp đồng vay là: 30.915.068đ + 1.084.931đ = 31.999.999 (Làm tròn số 32.000.000đ)

Như vậy, tổng số tiền vay gốc và lãi suất HĐXX buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà Tống Thị H là 182.000.000đ (Một trăm tám mươi hai triệu đồng). Trong đó 150.000.000đ tiền nợ gốc và 32.000.000đ tiền lãi.

[3]. Về chi phí tố tụng giám định chữ ký, chữ viết: Do bà Nguyễn Thị H1 không tham gia tố tụng, để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, ngày 15/3/2024, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc trưng cầu giám định chữ ký chữ viết của Nguyễn Thị H1 trong 02 hợp đồng vay. Tổng số tiền chi phí cho việc giám định là 6.400.000 đồng, số tiền này bà Tống Thị H đã nộp và Tòa án đã chi trả. Theo quy định tại khoản 2 Điều 161 BLTTDS thì bà Nguyễn Thị H1 phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng giám định chữ ký, chữ viết. Từ những phân tích trên, HĐXX buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà Tống Thị H số tiền 6.400.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về án phí: Do HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tống Thị H, căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 9.100.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo mức là 182.000.000 đồng x 5% = 9.100.000đ. (Chín triệu một trăm đồng)

Bà Tống Thị H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không đề cập giải quyết.

[5] Xét quan điểm đề nghị của đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên Toà là có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tống Thị H.

1. Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà Tống Thị H tổng số tiền là 182.000.000 đồng (Một trăm tám mươi hai triệu đồng). Trong đó: Tiền vay gốc là 150.000.000đồng, tiền lãi là 32.000.000đồng.

*“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”.*

2. Về chi phí giám định: Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà Tổng Thị H số tiền 6.400.000 đồng (Sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

3. Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 9.100.000 đồng (Chín triệu một trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Tổng Thị H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không đề cập giải quyết.

4. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

*“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Thi hành án DS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T.M - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Thu Hiền**